

Bản án số: 136/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thanh Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐ-ST ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thân Văn L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị M, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị M ở Việt Nam: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 23/7/2021, nguyên đơn là Anh Thân Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Dương Thị M kết hôn với nhau ngày 10/9/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết

hôn anh và chị M có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị M về gi đình anh làm dâu ngay vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì sống ly thân. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn vợ chồng không có nhiều thời gian tìm hiểu nhau cho nên trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự hòa hợp. Đến năm 2011 chị M làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh và chị M đã cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay không có liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Dương Thị M. Về con chung, tài sản chung không có. Do công việc bận anh xin vắng mặt trong tất cả các lần mở phiên tòa.

Chị Dương Thị M không có bản tự khai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2021 và ngày 31/8/2021 ông Dương Ngô L là bố đẻ Chị Dương Thị M trình bày:

Ông là bố đẻ Chị Dương Thị M, hiện nay chị M đang lao động ở Đài Loan, không có mặt ở nhà. Về quan hệ hôn nhân, chị M và Anh Thân Văn L kết hôn ngày 10/9/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị M và anh L có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị M, anh L sinh sống tại gia đình ông. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 tháng thì anh L bỏ về nhà anh L sinh sống tại thôn S, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chị M, anh L cũng ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Dương Thị M hiện nay đang lao động ở Đài Loan, chị M vẫn có liên lạc với gia đình còn địa chỉ cụ thể của chị M ở Đài Loan như thế nào gia đình ông đã hỏi nhiều lần nhưng chị M cũng không cung cấp.

Tại phiên tòa: Anh Thân Văn L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Dương Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của Anh Thân Văn L; Biên bản làm việc với bố đẻ của Chị Dương Thị M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn Anh Thân Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Chị Dương Thị M không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị M; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị M là đúng theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Thân Văn L

Xử cho Anh Thân Văn L được ly hôn Chị Dương Thị M.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Thân Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Thân Văn L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh Thân Văn L.

Đối với bị đơn Chị Dương Thị M vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị M là ông Dương Ngô L để giao thông báo thụ lý vụ án, đề nghị ông Liên thông báo cho chị M biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa Anh Thân Văn L và Chị Dương Thị M. Ông Dương Ngô L cho biết chị M vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị M không cung cấp cho gia đình ông địa chỉ cụ thể, của chị M ở Đài Loan cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét xử vắng mặt bị đơn Chị Dương Thị M theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Thân Văn L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn Chị Dương Thị M, chị M hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 17565/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 5/8/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì chị M xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 26/6/2014 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị M ở Việt Nam là: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Thân Văn L và Chị Dương Thị M kết hôn ngày 10/9/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Theo anh L trình bày: Sau khi kết hôn chị M về gia đình anh L làm dâu ngay vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn vợ chồng không có nhiều thời gian tìm hiểu nhau cho nên trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự hòa hợp. Đến năm 2011 chị M làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh L và chị M đã không quan tâm nhau từ đó cho đến nay, không có liên lạc gì với nhau. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Thân Văn L. Hội đồng xét xử thấy: Anh Thân Văn L và Chị Dương Thị M kết hôn ngày 10/9/2010. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn (khoảng 01 tháng) thì vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2011 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh L và chị M đã không quan tâm nhau từ đó cho đến nay, không có liên lạc gì với nhau. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh L và chị M đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị Minh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L. Xử cho chị anh L được ly hôn Chị Dương Thị M.

[4]. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh L trình bày không có, anh không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Thân Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Thân Văn L được ly hôn với Chị Dương Thị M.

2. Về án phí: Anh Thân Văn L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000090 ngày 28/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Anh Thân Văn L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Thân Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Dương Thị M hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã S, huyện T;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

